

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**
Bản án số: 137/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25/9/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi – Hưu Trí;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm – Chủ tịch Hội LHPN phường Bình Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984; thường trú: **Thôn F, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An**; tạm trú: 53A/14 **khú phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**. Có đơn yêu cầu giải quyết mặt.

- Bị đơn: Anh **Đặng Ngọc H1**, sinh năm 1985; thường trú: **Thôn F, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An**; tạm trú: 53A/14 **khú phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**. Có đơn yêu cầu giải quyết mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Đặng Ngọc H1** trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau hơn 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và được 02 bên gia đình chấp nhận, đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An** theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2007 cấp ngày 15/6/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị **Nguyễn Thị H** và anh **Đặng Ngọc H1** chung sống tại **thành phố D, tỉnh Bình Dương**. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2015

thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên tranh cãi, vợ chồng đã trao đổi nhưng tình cảm không được cải thiện. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Chị Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Ngọc H1.

Hiện nay chị Nguyễn Thị H làm công nhân, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Anh Đặng Ngọc H1 làm lái xe, thu nhập hàng tháng bao nhiêu chị Nguyễn Thị H không rõ.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Đặng Thị Huyền T, sinh ngày 26/11/2007; Đặng Nguyễn Kim N, sinh ngày 29/11/2016; Đặng Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 15/6/2018. Hiện nay cháu Huyền T đang ở với anh Đặng Ngọc H1 và đã đi làm; còn cháu Kim N và cháu Ngọc Á ở với chị H. Nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Đặng Nguyễn Kim N, sinh ngày 29/11/2016; Đặng Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 15/6/2018 và yêu cầu anh Đặng Ngọc H1 cấp dưỡng nuôi 02 cháu 2.000.000 đồng/ tháng. Đồng ý giao cháu Đặng Thị Huyền T, sinh ngày 26/11/2007 cho anh Đặng Ngọc H1 trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con vì cháu T đã đi làm, tự chăm sóc cho bản thân.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2023 bị đơn anh Đặng Ngọc H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Ngọc H1 thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị H về thời gian tìm hiểu, chung sống và việc đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng chỉ phát sinh gần đây do tính tình không hợp, khi xảy ra tranh cãi thì chị Nguyễn Thị H lại bỏ nhà ra ở chỗ khác. Trước đây chị Nguyễn Thị H có tình cảm với người khác, anh Đặng Ngọc H1 đã tha thứ để vợ chồng quay lại chung sống cùng nuôi dạy con cái nhưng thời gian gần đây chị H lại nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác, anh H1 đã khuyên nhủ nhưng không được nên anh H1 có đánh chị H 02 cái bạt tai. Chị H đã đưa 02 con nhỏ đi nơi khác ở sinh sống từ giữa tháng 8/2023, chị H chặn số điện thoại của và không cho anh H1 liên lạc với 02 đứa con nhỏ.

Nay chị Nguyễn Thị H có yêu cầu ly hôn thì anh Đặng Ngọc H1 chưa đồng ý và muốn vợ chồng có thời gian ly thân để cùng xem xét lại bản thân sau đó mới quyết định và vì các con còn nhỏ.

Anh Đặng Ngọc H1 làm tài xế, thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng, thời gian đi làm trong giờ hành chính từ 07 giờ đến 16 giờ. Chị H làm công nhân may, thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng, thời gian đi làm trong giờ hành chính từ 07 giờ đến 16 giờ.

- Về con chung: Thống nhất về lời khai của chị Nguyễn Thị H về số con chung, ngày tháng năm sinh của các con. Anh Đặng Ngọc H1 không đồng ý ly hôn, nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh H1 đồng ý để cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Đặng Nguyễn Kim N, sinh ngày 29/11/2016; Đặng Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 15/6/2018, anh H1 cấp dưỡng nuôi 02 cháu/2.000.000

đồng/tháng. Đối với con chung tên **Đặng Thị Huyền T** do anh **H1** trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tại Hội liên hiệp phụ nữ **phường T** thể hiện: Chị **Nguyễn Thị H** không phải là hội viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị **Nguyễn Thị H** không yêu cầu địa phương hòa giải cơ sở. **Hội Liên hiệp phụ nữ phường T** cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng những người dân phản ánh. Vì vậy, Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị **Nguyễn Thị H** và anh **Đặng Ngọc H1**.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Quá trình chung sống anh **Đặng Ngọc H1** và chị **Nguyễn Thị H** phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị H**; Về con chung tiếp tục giao cháu **Đặng Nguyễn Kim N**, sinh ngày 29/11/2016; **Đặng Nguyễn Ngọc Á**, sinh ngày 15/6/2018 cho chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Đặng Ngọc H1** cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng, giao con chung tên **Đặng Thị Huyền T**, sinh ngày 26/11/2007 cho anh **Đặng Ngọc H1** và chị **Nguyễn Thị H** không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** và bị đơn anh **Đặng Ngọc H1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Đặng Ngọc H1** và chị **Nguyễn Thị H** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2007 cấp ngày 15/6/2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị **Nguyễn Thị H** xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm không thể hàn gắn được. Anh **Đặng Ngọc H1** xác định vợ chồng có những mâu thuẫn nhưng nguyên nhân chính là do vợ chồng không có tiếng nói chung, chị **Nguyễn Thị H** có quan hệ tình cảm với người khác, anh **Đặng Ngọc H1** nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị **Nguyễn Thị H** không thay đổi. Tuy nhiên, các con còn nhỏ và anh **H1** vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh **Đặng Ngọc H1** và chị **Nguyễn Thị H** thực sự trầm trọng, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung

không thể kéo dài. Anh **Đặng Ngọc H1** không đồng ý ly hôn nhưng sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh **Đặng Ngọc H1** không có mặt, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị H** là có cơ sở chấp nhận theo quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình tố tụng, chị **Nguyễn Thị H** và anh **Đặng Ngọc H1** thống nhất về việc tiếp tục giao cháu **Đặng Nguyễn Kim N**, sinh ngày 29/11/2016; **Đặng Nguyễn Ngọc Á**, sinh ngày 15/6/2018 cho chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **Đặng Thị Huyền T**, sinh ngày 26/11/2007 cho anh **Đặng Ngọc H1** trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung tên **Đặng Nguyễn Kim N**, **Đặng Nguyễn Ngọc Á** ở cùng và do chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp chăm sóc, hai cháu đều còn nhỏ, là con gái, đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2023 thì cháu **Đặng Nguyễn Kim N** có nguyện vọng được ở với mẹ vì vậy để đảm bảo sự ổn định của con chung cần tiếp tục giao cháu **Đặng Nguyễn Kim N**, **Đặng Nguyễn Ngọc Á** cho chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu **Đặng Thị Huyền T** có nguyện vọng được với cha và từ khi vợ chồng sống ly hôn cháu **T** vẫn ở với anh **Đặng Ngọc H1** vì vậy cần tiếp tục giao cho chung tên **Đặng Thị Huyền T** cho anh **Đặng Ngọc H1** trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Nguyễn Thị H** yêu cầu anh **Đặng Ngọc H1** thống nhất về việc anh **Đặng Ngọc H1** cấp dưỡng nuôi cháu **Đặng Nguyễn Kim N** và cháu **Đặng Nguyễn Ngọc Á** mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh **Đặng Ngọc H1** không yêu cầu chị **Nguyễn Thị H** cấp dưỡng nuôi cháu **Đặng Thị Huyền T**. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện **Viện Kiểm nhân dân thành phố D**, tỉnh Bình Dương là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí ly hôn. Anh **Đặng Ngọc H1** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** với bị đơn anh **Đặng Ngọc H1**.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn với anh **Đặng Ngọc H1** (Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An cấp ngày 15/6/2007).

1.2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu **Đặng Nguyễn Kim N**, sinh ngày 29/11/2016 và cháu **Đặng Nguyễn Ngọc Á**, sinh ngày 15/6/2018 cho chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng. Tiếp tục giao cháu **Đặng Thị Huyền T**, sinh ngày 26/11/2007 cho anh **Đặng Ngọc H1** trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị **Nguyễn Thị H** và anh **Đặng Ngọc H1** đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Đặng Ngọc H1** phải cấp dưỡng nuôi cháu **Đặng Nguyễn Kim N**, sinh ngày 29/11/2016 và cháu **Đặng Nguyễn Ngọc Á**, sinh ngày 15/6/2018 mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006749 ngày 25/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh **Đặng Ngọc H1** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã Linh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

Kiều Thị Uyên